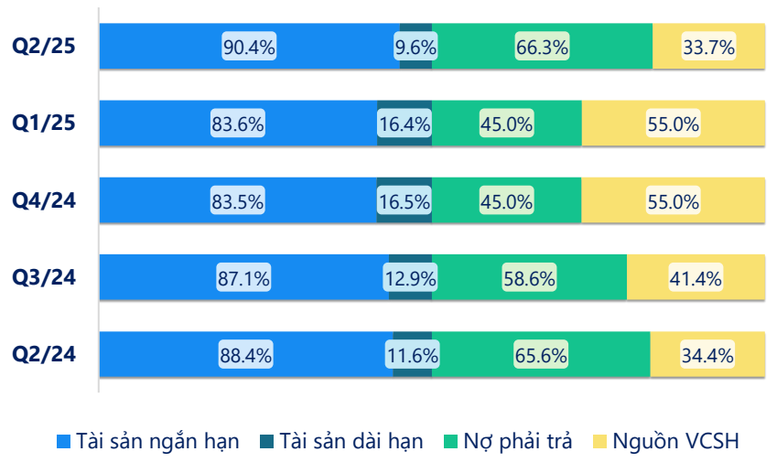
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (HNX: SED)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	24,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,214
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,439
SL cổ phiếu LH	9,271,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,170
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	230
P/E	3.5
EPS	7,003

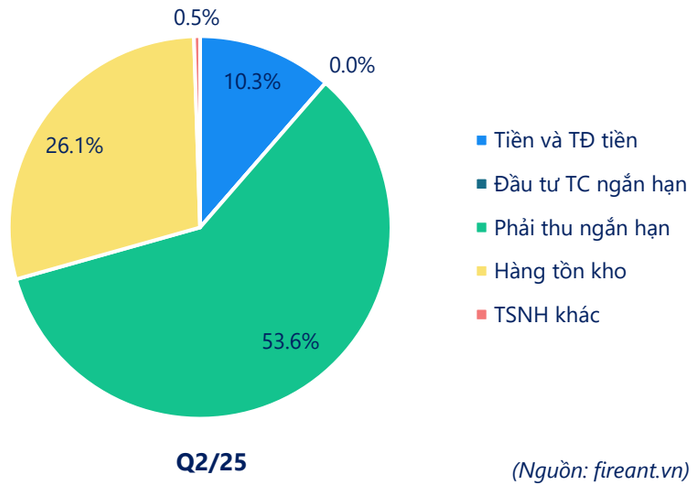
	YTD	1T	3T	6T
SED	22.9%	1.2%	2.3%	25.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



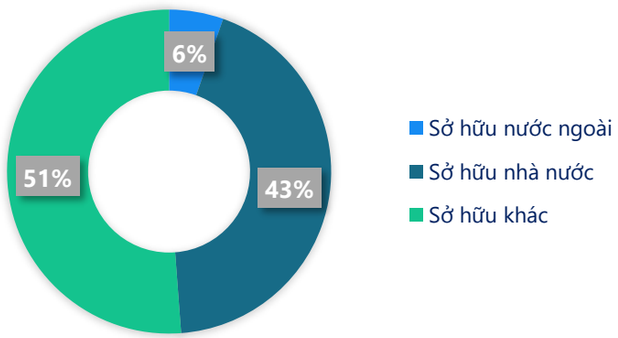
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



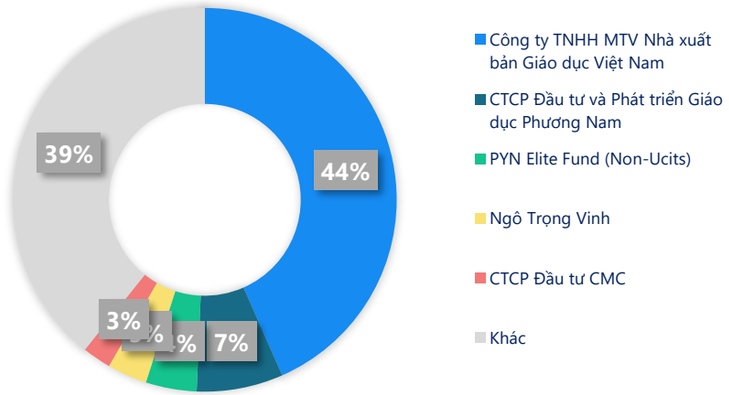
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



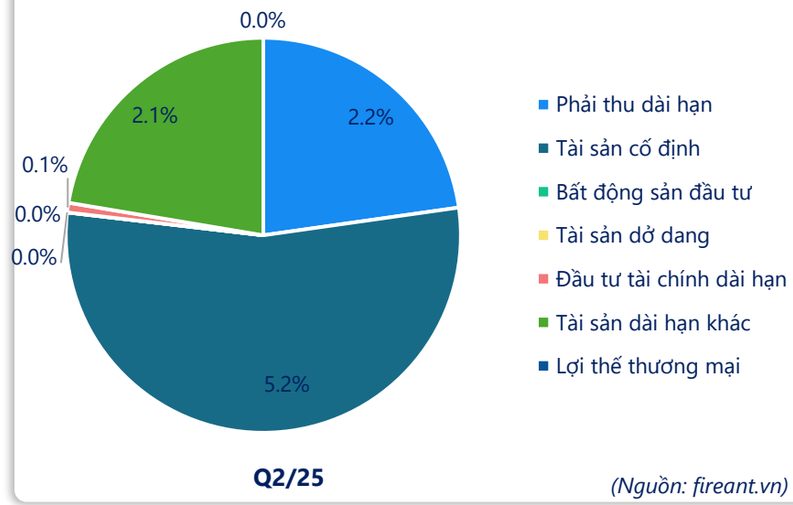
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

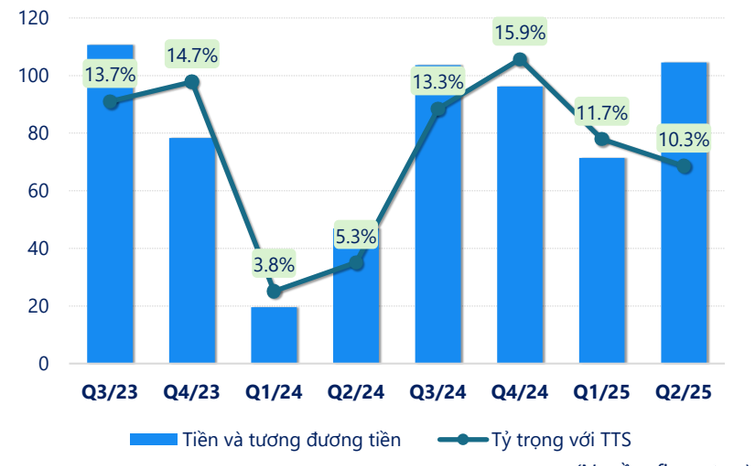


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

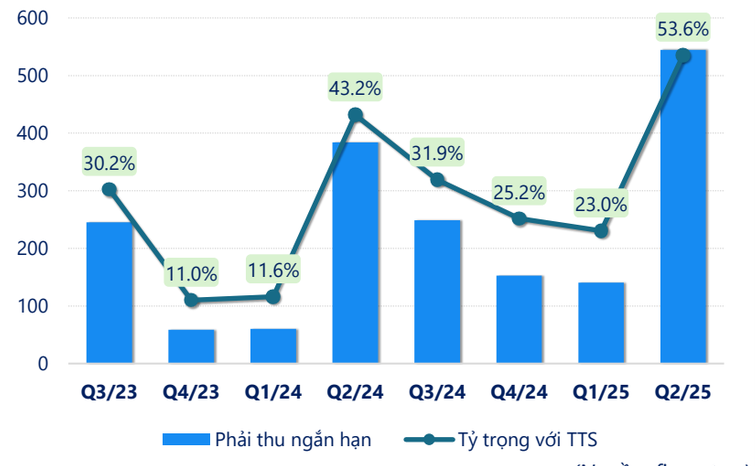
CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (HNX: SED)

Tiền và tương đương tiền



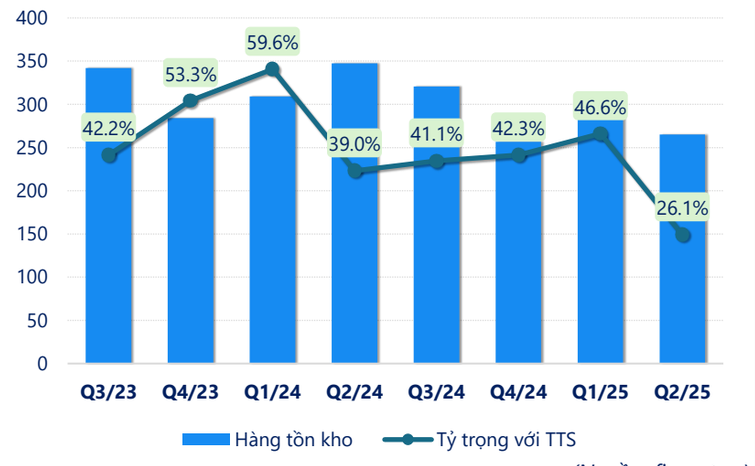
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



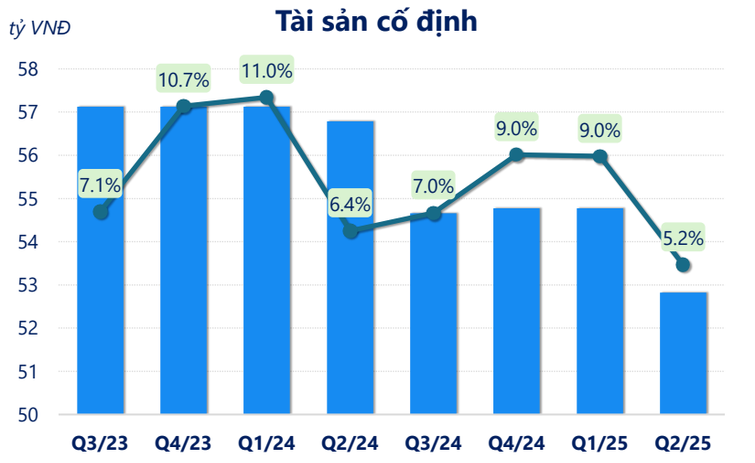
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



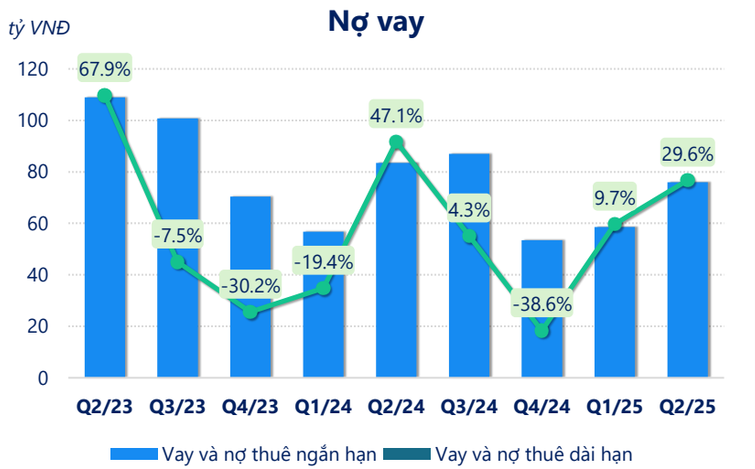
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



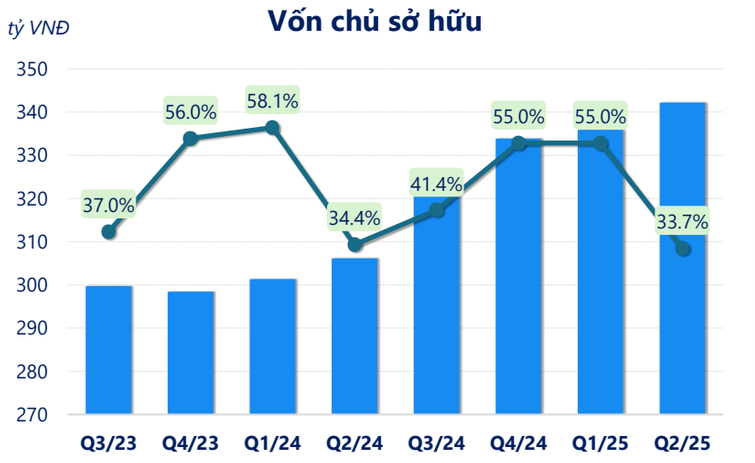
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



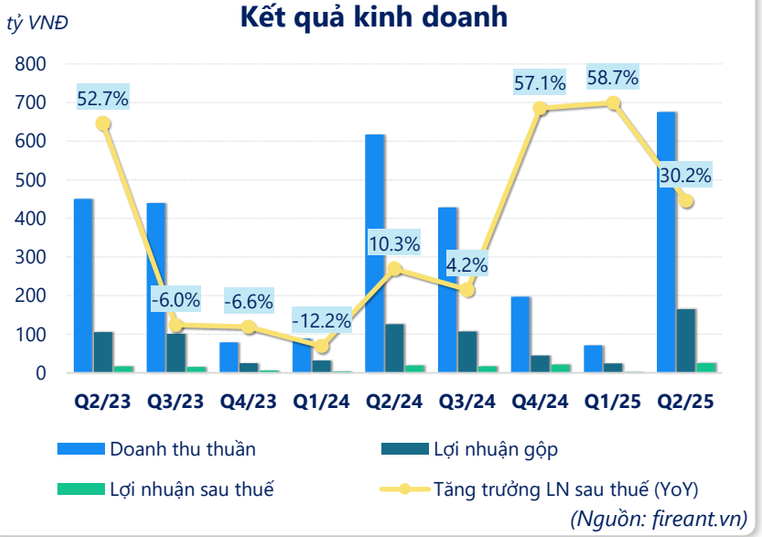
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

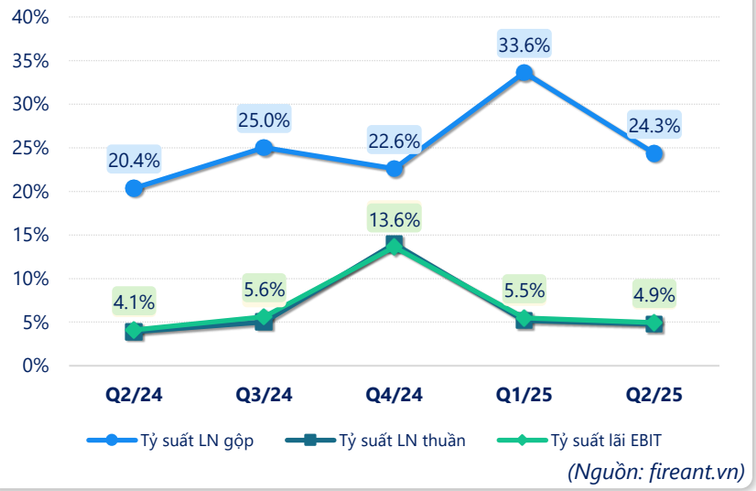
CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (HNX: SED)

Kết quả kinh doanh



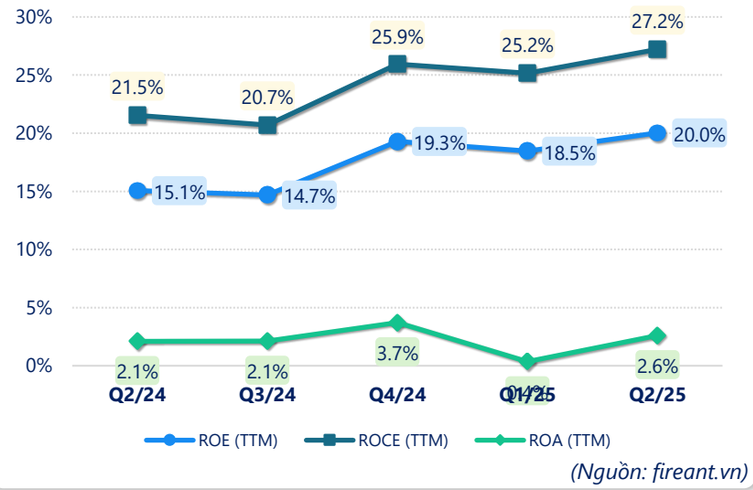
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



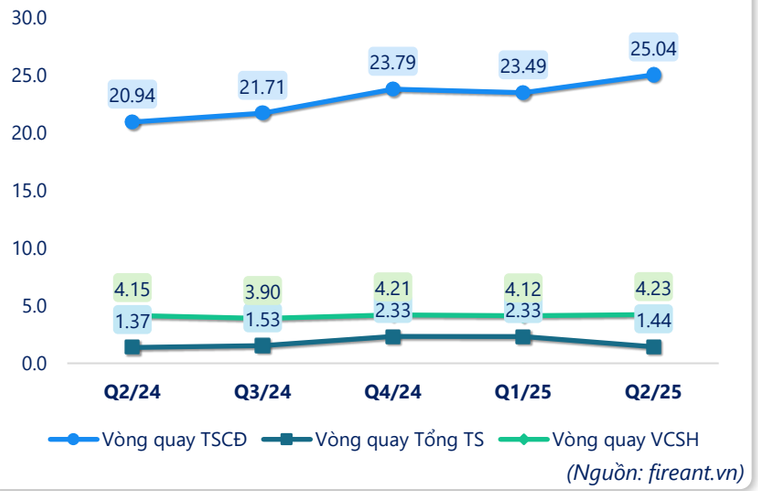
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



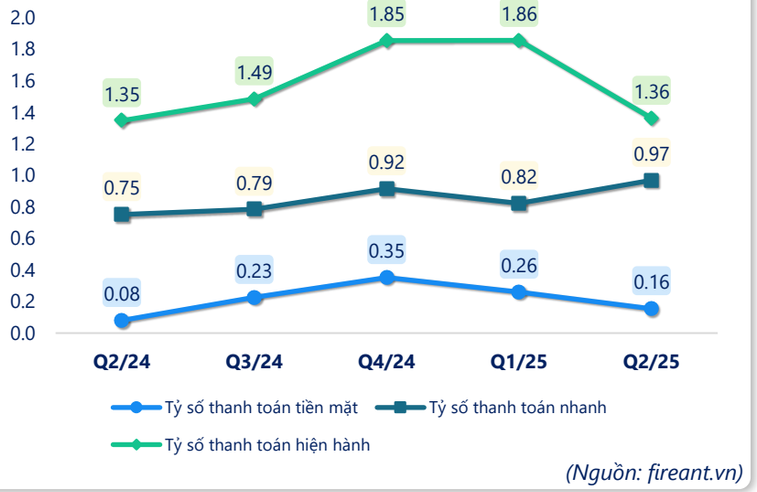
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



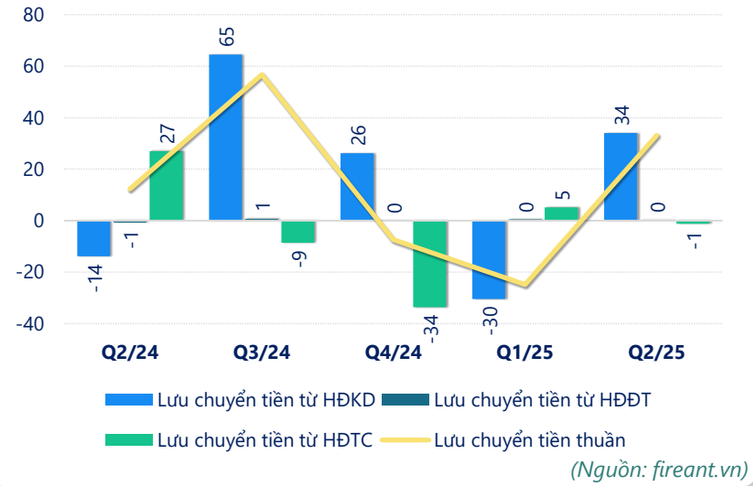
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (HNX: SED)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,017**	**607**	**67.5%**
Tài sản ngắn hạn	919	507	81.4%
Tiền và tương đương tiền	105	96.2	8.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	544	153	257%
Hàng tồn kho	265	257	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.75	1.16	311%
Tài sản dài hạn	**97.7**	**100**	**-2.7%**
Phải thu dài hạn	22.2	22.2	0.0%
Tài sản cố định	52.8	54.8	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.77	0.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**21.8**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	674	273	147%
Nợ ngắn hạn	**674**	**273**	**147%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.9	53.4	42.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	415	43.1	863%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**342**	**334**	**2.5%**
Vốn chủ sở hữu	**342**	**334**	**2.5%**
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	617	429	197	71.3	675
Giá vốn hàng bán	491	321	153	47.3	511
Lợi nhuận gộp	126	107	44.6	24.0	164
Doanh thu HĐTC	0.20	0.09	4.29	0.44	0.43
Chi phí TC	1.85	3.50	-0.85	0.21	1.56
Chi phí lãi vay	1.03	2.50	-0.67	0.21	1.24
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	77.3	64.3	-6.27	13.3	103
Chi phí QLDN	22.6	17.9	28.4	7.18	27.6
LN thuần từ HĐKD	24.1	21.5	27.6	3.70	32.2
Lợi nhuận khác	0.27	-0.01	-0.05	0	-0.01
LN trước thuế	24.3	21.5	27.5	3.70	32.2
Lợi nhuận sau thuế	18.7	16.9	21.2	2.03	24.8
LNST của CĐ cty mẹ	18.7	16.9	21.2	2.03	24.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.8	64.5	26.2	-30.4	34.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.76	0.75	0.04	0.44	0.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.9	-8.57	-33.6	5.17	-1.18
Tiền đầu kỳ	34.5	46.9	104	96.2	71.4
Lưu chuyển tiền thuần	**12.4**	**56.7**	**-7.37**	**-24.8**	**33.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.9	104	96.2	71.4	105

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic